

THÔNG TIN THUỐC

Ngày 28 tháng 03 năm 2025
TRƯỞNG BAN

Nguyễn Thành Phương



Thông tin thuốc Dextromethorphan

(Tài liệu dành cho nhân viên y tế)



Chỉ định

Điều trị **ho khan** và **ho do kích ứng**

Liều dùng

- Người lớn, trẻ em ≥ 12 tuổi:** 10 – 20 mg/lần, 4 giờ 1 lần hoặc 30 mg/lần, 6 – 8 giờ 1 lần. Không quá 120 mg/24 giờ
- Trẻ em 6 tuổi – dưới 12 tuổi:** 5 – 10 mg/lần, 4 giờ 1 lần hoặc 15 mg/lần, 6 – 8 giờ/lần. Không quá 60 mg/24 giờ

Chống chỉ định

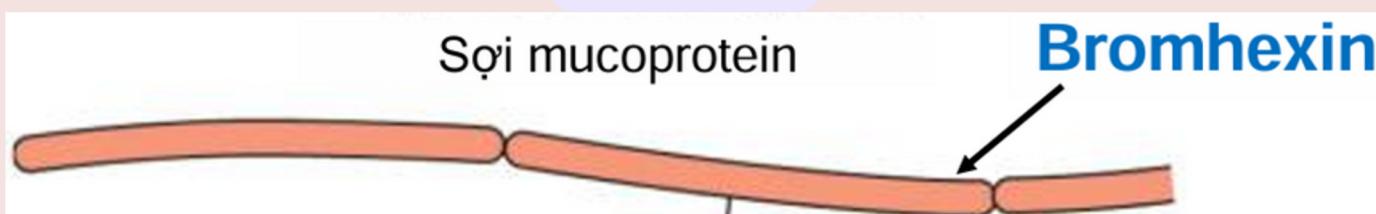
- Mẫn cảm với dextromethorphan
- Ho do hen
- Suy hô hấp
- Đang dùng hoặc vừa dùng thuốc IMAO, thuốc ức chế tái thu nhập serotonin (SSRI) trong vòng 2 tuần
- Phụ nữ cho con bú
- Trẻ em dưới 6 tuổi**



Thông tin thuốc Bromhexin

(Tài liệu dành cho nhân viên y tế)

Cơ chế



Bromhexin hoạt hóa tổng hợp sialomucin (chất làm cho cấu trúc đờm nhớt thay đổi và lỏng hơn) → Phá vỡ cấu trúc mucoprotein
→ Làm đờm lỏng, ít quánh hơn
→ Giúp đờm từ phế quản thoát ra ngoài có hiệu quả.

Chỉ định

-Rối loạn tiết dịch phế quản, trong **viêm phế quản cấp tính**

-Đợt cấp tính của **viêm phế quản mạn tính**

Thận trọng

Thận trọng đối với trẻ em **dưới 2 tuổi**, vì **không có khả năng khạc đờm** có hiệu quả, do đó càng tăng ứ đờm

Viên nén:

Liều dùng

-Người lớn và trẻ em trên 12 tuổi: 8 – 16 mg/lần, 3 lần/ngày
-Trẻ em 6 – 12 tuổi: 4 mg/lần, 3 lần/ngày

Dạng sirô:

-Người lớn và trẻ em trên 12 tuổi: 8 - 16 mg/lần, 3 lần/ngày
-Trẻ em 6 – 12 tuổi: 4 mg/lần, 3 lần/ngày
-Trẻ em 2 – 6 tuổi: 2 mg/lần, 3 lần/ngày

TLTB:

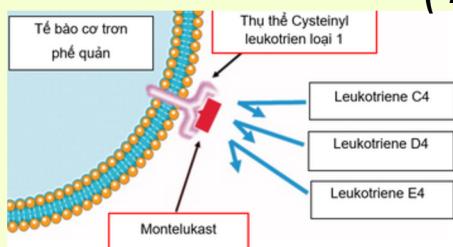
1. Được thư quốc gia Việt Nam 2022
2. Schwaiger, T. A. (2021). Review of the Use of N-Acetyl-Cysteine (NAC) in Clinical Practice. Nat. Med. J.



Thông tin thuốc Montelukast

(Tài liệu dành cho nhân viên y tế)

Cơ chế



Trong **hen phế quản**, thụ thể **cysteinyl leukotrien** gắn vào **tế bào cơ trơn phế quản** trên đường hô hấp gây co thắt phế quản

Trong **viêm mũi dị ứng**, thụ thể **cysteinyl leukotrien** giải phóng từ **lớp niêm mạc mũi sau khi tiếp xúc dị nguyên** ở giai đoạn đầu và phản ứng pha muộn kèm với triệu chứng viêm mũi dị ứng

Montelukast **gắn chọn lọc** và có **ái lực** cao với **thụ thể cysteinyl leukotrien loại 1**, làm **đối kháng**, **mất tác dụng** gây co thắt phế quản của các **cysteinyl leukotrien** → hiệu quả điều trị **hen phế quản và viêm mũi dị ứng**.

Chỉ định

- Dự phòng và điều trị hen phế quản
- Dự phòng hen do gắng sức
- Trị triệu chứng viêm mũi dị ứng

Liều dùng

- **Dự phòng và điều trị hen phế quản**
- Trẻ từ 6 tháng – 5 tuổi: 4 mg/ngày/lần buổi tối
- Trẻ từ 6 – 14 tuổi: 5 mg/ngày/lần buổi tối
- Người lớn và trẻ em trên 15 tuổi: 10 mg/ngày/lần buổi tối
 - **Dự phòng hen do gắng sức**
 - Trẻ từ 6 – 14 tuổi: 5 mg
 - Người lớn và trẻ em trên 15 tuổi: 10mg
 - **Trị triệu chứng viêm mũi dị ứng**
 - Người lớn và trẻ em trên 15 tuổi: 10 mg/ngày/lần buổi tối



TLTB:

1. Được thư quốc gia Việt Nam 2022
2. Bộ Y tế (2014), QĐ 3942/QĐ-BYT về hướng dẫn chẩn đoán và điều trị các bệnh về dị ứng - miễn dịch lâm sàng
3. Barbosa, J. S., Almeida Paz, F. A., & Braga, S. S. (2016). Montelukast medicines of today and tomorrow: from molecular pharmaceutics to technological formulations. Drug Delivery, 23(9), 3257–3265. <https://doi.org/10.3109/10717544.2016.1170247>



Lưu ý khi sử dụng Ciprofloxacin trẻ em

(Tài liệu dành cho nhân viên y tế)

Khuyến cáo

Không khuyến cáo cho trẻ em < 18 tuổi vì có nguy cơ gây thoái hóa sụn ở các khớp chịu trọng lực trong các nghiên cứu trên động vật chưa trưởng thành

Chỉ định

Trường hợp nặng, trên 1 năm tuổi như viêm đường hô hấp dưới do *Pseudomonas aeruginosa* ở trẻ bị xơ nang, nhiễm khuẩn đường tiết niệu có biến chứng (viêm thận, bể thận), nhiễm khuẩn đường tiêu hóa nặng

Liều dùng

Có thể uống hoặc tiêm truyền tĩnh mạch trong 60 phút

-**Trẻ sơ sinh:** 15 mg/kg uống, 10 mg/kg truyền tĩnh mạch, uống hoặc tiêm ngày 2 lần

-**Từ 1 tháng tuổi – 18 tuổi:** 20 mg/kg (tối đa 750 mg) uống ngày 2 lần hoặc 10 mg/kg (tối đa 400 mg) 3 lần mỗi ngày

Tiêu chảy cấp do lỵ trực khuẩn: 15 mg/kg/lần x 2 lần/ngày x **3 ngày**

Tác dụng phụ

Da: phát ban (tỷ lệ khoảng 2%)

Đường hô hấp: viêm mũi (tỷ lệ khoảng 3%)

Chống chỉ định

Tiền sử quá mẫn với **ciprofloxacin** hoặc **các quinolon khác**

Không sử dụng **ciprofloxacin** **cùng với tizanidin** vì tăng nồng độ của tizanidin trong huyết thanh → tăng nguy cơ tác dụng bất lợi (hạ huyết áp, buồn ngủ, nhịp tim chậm...)

TLTK:

1. Được thư quốc gia Việt Nam 2022
2. Bộ Y tế (2015), QĐ 3312/QĐ-BYT về hướng dẫn chẩn đoán và điều trị một số bệnh thường gặp ở trẻ em
3. Bộ Y tế (2021), QĐ 5948/QĐ-BYT về danh mục tương tác thuốc chống chỉ định trong thực hành lâm sàng tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh

